

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC – TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2022/DS-ST**

Ngày: 15-02- 2022

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài
sản giữa Bà Nguyễn Thị H, ông
Nguyễn Văn T và ông Đinh Văn B,
bà Đinh Thị V

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mạnh Nhanh

Ông Nguyễn Đại Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2021/TLST-DS ngày 13
tháng 12 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2022 giữa
các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964. (Có mặt)

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970. (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Q, xã Tuy L, huyện M, thành phố Hà Nội

- Bị đơn: Ông Đinh Văn B, sinh năm 1974. (Có mặt)

Bà Đinh Thị V, sinh năm 1975. (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn B, xã Tuy L, huyện M, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn: Ông
Nguyễn Văn T và ông Hoàng Ngọc H – Luật sư thuộc văn phòng luật sư Đông
Hà, Đoàn luật sư TP. Hà Nội. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và các tài liệu tại
Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T trình bày:

Do có mối quan hệ quan biết là người cùng trú tại xã Tuy L, huyện M, nên ngày 06/6/2017 (âm lịch) ông Đinh Văn B, bà Đinh Thị V đặt với ông T và bà H vấn đề vay tiền để kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm, vợ chồng ông T đã đồng ý cho ông B, bà V vay số tiền 400.000.000đồng với mức lãi suất vay theo thỏa thuận là 1,5%/tháng; Thời gian vay không kỳ hạn nhưng các bên có thỏa thuận khi nào cần chỉ cần báo trước 5 ngày thì ông V, bà Biển phải tất toán trả hết số tiền nợ cho vợ chồng ông T (bao gồm cả gốc + Lãi); Việc cho vay hai bên có lập thanh văn bản viết tay có chữ ký của vợ chồng ông B, bà V. Vợ chồng ông V, bà Biển nhận đủ 400.000.000đồng ngay tại thời điểm lập giấy vay tiền ngày 06/6/2017 âm lịch.

Sau khi vay, quá trình trả nợ của bên vay như sau:

- Ngày 06/11/2017 âm lịch. Ông bà B V đã trả 30.000.000 đồng tiền lãi 05 tháng.

- Ngày 06/3/2018 âm lịch trả lãi tiếp số tiền là 24.000.000đồng của 4 tháng lãi và trả được 50.000.000 đồng vào tiền gốc.

- Ngày 06/6/2018 âm lịch vợ chồng trả lãi là 10.500.000 đồng của 03 tháng.

- Tiếp nữa: Từ giữa tháng 7 đến tháng 8/2018 âm lịch, do ông T bị mắc bệnh tai biến đột quỵ nên có thông báo cho vợ chồng ông B, bà V trả nợ vợ chồng ông T tiền thì ông B bà V có trả thêm được nợ gốc (tổng 3 lần từ 20/7/2018 âm lịch đến 27/8/2018 âm lịch) tổng số tiền trả gốc là 50.000.000 đồng (hai lần 20.000.000đồng; một lần 10.000.000đồng). Số tiền gốc còn lại chưa trả là 300.000.000 đồng.

Ngày 06/06/2018 âm lịch tức ngày 18/7/2018 dương lịch khi mà trả lãi 3 tháng tiền theo số tiền 10.500.000 thì vợ chồng ông B, bà V xin giảm lãi suất, vợ chồng ông T nhất trí giảm lãi suất xuống 1%/tháng. Nhưng thời điểm đó thì vợ chồng ông V, bà Biển không thanh toán thêm bất kỳ khoản lãi nào nên không nhất trí giảm lãi nữa.

Cuối tháng 9/2018 dương lịch do bệnh tình ông T trở nặng bị tai biến trầm trọng, đột quỵ, suy thận dẫn đến bị liệt nửa người nằm một chỗ, gia đình ông T cần tiền và đã thông báo nhiều lần yêu cầu ông V, bà Biển trả nợ để điều trị bệnh nhưng ông B và bà V cố tình trây ỳ không trả nợ mặc dù gia đình có điều kiện trả nợ. Trong thời điểm đó, ông B bà V còn bán đất nhưng vẫn lấy lý do không có tiền và không trả nợ.

Vì vậy ngày 21/4/2021 ông T và bà H đã làm đơn khởi kiện ra tòa án yêu cầu ông B, bà V phải trả nốt nợ gốc là 300.000.000 đồng, và lãi suất là 1,5%/tháng theo như giấy vay tiền và lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai tại Tòa án bị đơn ông Đinh Văn B, bà Đinh Thị V trình bày: Ông B, bà V có vay tiền của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), với lãi suất là 1,5%/tháng, đã trả nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), trả lãi 03 đợt lãi như trình bày của ông T và bà H. Hiện ông B và bà V còn nợ ông T, bà H số tiền gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), do không may đầu tư gia súc, gia cầm người mua cám không trả nợ, vợ chồng ông B bị vỡ nợ, ông bà có xin khất nợ khi làm ăn được, thu hồi nợ về ông bà sẽ trả đầy đủ tiền gốc và xin miễn lãi.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Văn B, bà Đinh Thị V đã thống nhất được nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn như sau:

Nợ lãi trong hạn được tính mức lãi suất 1,5%/ tháng theo 03 giai đoạn cụ thể: Giai đoạn 1 từ ngày vay 06/6/2017 âm lịch đến trước ngày 06/3/2018 âm lịch (tức ngày 05/3/2018) tính lãi trong hạn với mức nợ gốc là 400.000.000 đồng; từ ngày 06/3/2018 âm lịch đến ngày 20/7/2018 âm lịch tính lãi trong hạn trên mức nợ gốc là 350.000.000 đồng; từ ngày 20/7/2018 (âm lịch) đến trước ngày 21/4/2021 (âm lịch) tính lãi trong hạn trên mức nợ gốc là 300.000.000 đồng; Từ ngày 21/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/02/2022 (tức ngày 15/01/2022 âm lịch) mức lãi suất được tính theo mức lãi suất quá hạn là 2,25%/tháng trên số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng.

Các bên thống nhất tính đến ngày 20/7/2018 âm lịch, ông B và bà V đã trả cho ông T và bà H được số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và bên vay còn nợ lại 300.000.000 đồng. Tổng 03 đợt trả lãi ông B và bà V đã trả cho ông T và bà H được là 64.500.000 đồng.

Nay yêu cầu của Ông và bà H đề nghị Tòa án buộc ông B và bà V phải trả nốt cho ông bà số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và các khoản lãi trong hạn, quá hạn sau khi đã trừ đi số tiền lãi 64.500.000 đồng bên ông B và bà V đã Thanh Toán và kể từ thời điểm xét xử sơ thẩm bên vay chưa trả được số nợ trên thì phải tiếp tục chịu lãi theo quy định của pháp luật đối với khoản vay gốc chưa trả được của ông T và bà H.

Ông B và bà V nhất trí các yêu cầu này của bên nguyên đơn và có quan điểm sẽ thanh toán tiền nợ khi có điều kiện kinh tế đủ trả nợ vì hiện tại họ đang còn nợ ngân hàng và nhiều khoản vay nợ khác ngoài xã hội.

Quan điểm của các luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho các nguyên đơn đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về quá trình giải quyết vụ án:

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã làm đúng quy trình tố tụng, không có vi phạm gì, Thẩm phán đã xác định đúng tư cách của đương sự, quan hệ pháp luật cần giải quyết, giải quyết đúng thời hạn của vụ án, nguyên đơn, bị đơn cơ bản chấp hành đúng quy định tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các thủ tục, quy trình và thực hiện xét xử công khai khách quan.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 466, 468 BLDS 2015 chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H buộc ông Đinh Văn B, bà Đinh Thị V phải trả số tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật. Ông Đinh Văn B, bà Đinh Thị V phải chịu án phí DSST theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1.1. Về yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản vay: Căn cứ giấy vay tiền và sự thống nhất trình bày và thừa nhận của đương sự phù hợp với giấy vay tiền lập ngày 06/6/2017 (âm lịch) giữa bên cho vay là Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H, bên vay là ông Đinh Văn B, bà Đinh Thị V. Xác định việc vay nợ của ông B và bà V đối với ông T và bà H là có thật với số tiền vay đã nhận là 400.000.000 đồng, lãi suất là 1,5%/tháng. Trong giấy vay và sự thừa nhận của các bên thì việc vay nợ tiền này là không có kỳ hạn nhưng các bên có thỏa thuận nêu bên cho vay cần thì báo trước 05 ngày, bên vay sẽ trả đầy đủ cả gốc và lãi cho bên cho vay, nên xác định hợp đồng này là cho vay có lãi và không có kỳ hạn theo quy định tại Khoản 2 Điều 469 BLDS.

Theo trình bày của các bên, đến tháng 9 năm 2018 (âm lịch) bên ông T đã đòi tiền bên ông B nhưng không đòi được hết số tiền vay. Nhiều lần đòi nợ tiếp theo bên vay không có điều kiện trả, Ngày 21/4/2021 ông T bà H đã làm

đơn khởi kiện đến Tòa án là đúng, và đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật dân sự.

1.3. Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 149 Bộ luật Dân sự, Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện để tính lãi suất.

2.2. Về mức lãi suất trong hạn và quá hạn:

Trong giấy vay tiền các bên thỏa thuận ghi rõ mức lãi suất 1,5%/tháng, Quá trình giải quyết vụ án các bên vẫn khai thống nhất về mức lãi suất, không có tranh chấp về mức lãi suất, tại phiên tòa các bên cũng nhất trí áp dụng mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ vừa bên vay và đã được bên cho vay thông báo một thời gian hợp lý (các bên thỏa thuận sau 05 ngày) giữa các bên đã thanh toán cho nhau nên Hội đồng xét xử căn cứ áp dụng quy định tại Điều 466 và 468 Bộ luật dân sự về lãi suất và lãi suất quá hạn để chấp nhận là có căn cứ. giải quyết về lãi suất trong hạn và quá hạn. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu này của ông T, bà H, theo đó lãi suất được tính như sau:

Về lãi trong hạn:

- Từ ngày vay 06/6/2017 âm lịch đến trước ngày 06/3/2018 âm lịch (tức ngày 05/3/2018): nợ gốc là 400.000.000 đồng * 1,5%/tháng * 09 tháng = 54.000.000 đồng;

- Từ ngày 06/3/2018 âm lịch đến ngày 20/7/2018 âm lịch lãi trong hạn trên nợ gốc là 350.000.000 đồng * 1,5%/tháng * 04 tháng 13 ngày = 23.275.000 đồng;

- Từ ngày 21/7/2018 (âm lịch) đến trước ngày 21/4/2021 âm lịch (Tức đến ngày 20/7/2018 âm lịch) tính lãi trong hạn trên nợ gốc là 300.000.000 đồng * 1,5%/tháng * 33 tháng = 148.500.000 đồng.

Về lãi quá hạn:

Từ ngày 21/4/2021 (âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 15/02/2022 (tức ngày 15/01/2022 âm lịch) mức lãi suất chuyển sang mức lãi suất quá hạn là 2,25%/tháng trên số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng * 08 tháng 24 ngày = 59.400.000 đồng.

Tổng công lãi trong hạn và lãi quá hạn là: 54.000.000 đồng + 23.275.000 đồng + 148.500.000 đồng + 59.400.000 đồng (Lãi quá hạn) = 285.175.000 đồng trừ đi số tiền bên vay đã trả lãi là 64.500.000 đồng = 220.675.000 đồng.

Cần buộc ông B và bà V phải trả nốt số tiền lãi trong hạn và quá hạn cho ông T và bà H là 220.675.000 đồng và tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng. tổng nợ ông B và bà V phải trả là 520.675.000 đồng (Năm trăm hai mươi triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

Kể từ thời điểm sau xét xử bản án sơ thẩm, bên vay chưa trả được số nợ trên thì phải tiếp tục chịu lãi theo quy định của pháp luật đối với khoản vay gốc chưa trả được của ông T và bà H cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Về án phí: Ông B, bà V phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 24.827.000 đồng. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 147, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H về việc khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự thống nhất việc trả nợ, theo đó ông Đinh Văn B, bà Đinh Thị V phải liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H tổng số tiền cả gốc và lãi, trong hạn, lãi quá hạn đối với khoản vay được lập theo giấy vay ngày 06/6/2017 (âm lịch) là: **520.675.000** đồng (Năm trăm hai mươi triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Trong đó nợ gốc: 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 220.675.000 đồng). Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm ông Đinh Văn B, bà Đinh Thị V phải tiếp tục chịu lãi trên dư nợ gốc theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự hiện hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Ông Đinh Văn B, bà Đinh Thị V phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là **24.827.000** (Hai mươi bốn triệu tám trăm hai mươi

bảy nghìn đồng) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000 đồng theo biên lai số 0038733 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, các nguyên đơn, các bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THA Mỹ Đức;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã Tuy Lai;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Hồng